

Bản án số: **196/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 23 – 02 – 2023

V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương;

Bà Quách Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H bị bà Trịnh Diệu H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Diệu H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 24/1B đường số 17, Khu phố 5, phường LT, thành phố TĐ, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Thanh Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 24/1B đường số 17, Khu phố 5, phường LT, thành phố TĐ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và bản tự khai, nguyên đơn bà Trịnh Diệu H trình bày:

Bà Trịnh Diệu H và ông Nguyễn Trần Thanh Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 21/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL, tỉnh TG theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyền số 01/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống, ông Đ thường ghen bóng gió và không tôn trọng vợ và gia đình vợ. Trong quá trình chung sống, ông Đ chơi cá độ đá banh và cờ bạc nên thường gây nợ nần, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà H và ông Đ có 03 con chung tên Nguyễn Trịnh Khả H, sinh ngày 04/10/2014, Nguyễn Trịnh Khang K, sinh ngày 01/11/2015 và Nguyễn Trịnh Tuệ L, sinh ngày 26/3/2018. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là trẻ Nguyễn Trịnh Khả H và trẻ Nguyễn Trịnh Tuệ L. Bà H đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ Nguyễn Trịnh Khang K. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Khang Đ trình bày:

Ông Đ xác nhận phần trình bày của bà H về việc đăng ký kết hôn là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến nay, không có mâu thuẫn gì lớn, ông Đ vẫn có trách nhiệm với vợ con, chỉ có thời gian dịch bệnh vừa qua thì ông Đ ở nhà không làm ra tiền. Nay ông Đ vẫn còn thương yêu vợ con nên ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông Đ và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Trịnh Khả H, sinh ngày 04/10/2014, Nguyễn Trịnh Khang K, sinh ngày 01/11/2015 và Nguyễn Trịnh Tuệ L, sinh ngày 26/3/2018. Nếu trường hợp phải ly hôn thì ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TP, Thành phố H đã nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL, tỉnh TG cấp ngày 21/4/2014, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Diệu H và ông Nguyễn Trần Thanh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Qua xác minh tại địa phương được biết chưa ghi nhận hồ sơ về bạo lực gia đình giữa bà H và ông Đ, đồng thời không nhận được đơn đề nghị hòa giải ly hôn của bà H, ông Đ. Bà H trình bày cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do ông Đ chơi cá độ đá banh, cờ bạc nên thường gây nợ nần và ông Đ không tôn trọng vợ; Ông Đ khai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân ông Đ vẫn còn yêu thương và có trách nhiệm với vợ con nên ông Đ không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, ngoài những mâu thuẫn như đã nêu, thì vợ chồng không còn có mâu thuẫn nào khác để chứng minh được về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Tại phiên tòa, bà H cũng xác nhận ngoài những mâu thuẫn đã nêu thì ông Đ vẫn yêu thương vợ con, hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường cùng nhà và chia sẻ công việc đưa đón và chăm sóc các con, nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là không có cơ sở để được chấp nhận. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Diệu H xin ly hôn với ông Nguyễn Trần Thanh Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, bà Trịnh Diệu H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H, chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Trịnh Diệu H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trịnh Diệu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Trần Thanh Đ yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H tuyên Bản án sơ thẩm số 3909/2022/HN-ST. Ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H nhận đơn kháng được đơn kháng cáo của bà Trịnh Diệu H. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL, tỉnh TG cấp ngày 21/4/2014, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Diệu H và ông Nguyễn Trần Thanh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Theo bà H trình bày cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do ông Đ chơi cá độ đá banh, cờ bạc nên thường gây nợ nần và ông Đ không tôn trọng vợ; Ông Đ trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân ông vẫn còn yêu thương và có trách nhiệm với vợ con nên ông không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà H thừa nhận ngoài những mâu thuẫn trên thì ông Đ vẫn yêu thương vợ con, hai vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà và chia sẻ công việc đưa đón và chăm sóc các con. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ chưa đến mức trầm trọng, gay gắt, có thể khắc phục, hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, đời sống chung có thể kéo dài, lý do mà bà H đưa

ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn ông Đ là chưa có tính thuyết phục nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H nên không xem xét các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Từ những phân tích trên nhận thấy kháng cáo của bà H là không có cơ sở nên không chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HN-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố TP.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của bà Trịnh Diệu H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TP, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trịnh Diệu H làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo xin ly hôn của bà Trịnh Diệu H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyển số 01/2014 ngày 21/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL, tỉnh TG cấp cho bà Trịnh Diệu H và ông Nguyễn Trần Thanh Đ, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Diệu H và ông Nguyễn Trần Thanh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H xin ly hôn ông Đ với lý do: Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Đ thường ghen bóng ghen gió và không tôn trọng vợ và gia đình vợ. Trong quá trình chung sống ông Đ chơi cá độ đá banh và cờ bạc nên thường gây nợ nần. Đối với ông Đ trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến nay, không có mâu thuẫn gì lớn, ông Đ vẫn có trách nhiệm với vợ con, chỉ có thời gian dịch bệnh vừa qua thì ông Đ ở nhà không làm ra tiền. Nay ông Đ vẫn còn thương yêu vợ con nên ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H.

Xét thấy:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ là có, tuy nhiên đó là những mâu thuẫn thường gặp trong mỗi gia đình, bà H cũng xác nhận ngoài những mâu thuẫn

này thì ông Đ vẫn yêu thương vợ con, hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường và chia sẻ công việc đưa đón và chăm sóc các con. Các trình bày của này của bà H và ông Đ phù hợp Văn bản trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 667/UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân phường LT, thành phố TĐ, Thành phố H nơi bà H, ông Đ cư trú thể hiện “*Trong thời gian sinh sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường, Ban điều hành Khu phố không nhận được đơn đề nghị hòa giải ly hôn hay về bạo lực gia đình, tranh chấp tài sản của ông Đ, bà H*”. Như vậy, đã thể hiện ông Đ không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Ngoài những mâu thuẫn nêu trên, bà H không có chứng cứ chứng minh ông Đ có hành vi bạo lực gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ chưa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, có thể hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung; Cấp sơ thẩm đã Quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Diệu H xin ly hôn với ông Nguyễn Trần Thanh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết về con chung là có cơ sở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Diệu H.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Diệu H.

II. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 3909/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H, cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Diệu H xin ly hôn ông Nguyễn Trần Thanh Đ.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Diệu H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0026303 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Trịnh Diệu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006097 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND TPTĐ, TP.H;
- Chi cục THADS TPTĐ, TP.H ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức